

Số: 104/2019/QĐST-HNGĐ

HN, ngày 28 tháng 02 năm 2019

**QUYẾT ĐỊNH
CÔNG NHẬN THUẬN TÌNH LY HÔN
VÀ SỰ THỎA THUẬN CỦA CÁC ĐƯƠNG SỰ**

Căn cứ vào hồ sơ dân sự thụ lý số 107/2019/TLST-HNGĐ ngày 19 tháng 02 năm 2019, giữa:

* Nguyên đơn: Chị **Trần Thị D** – sinh năm 1988

HKTT: Thôn V, xã T L, huyện T T, thành phố HN.

Chỗ ở: Phòng 3632 – Tòa HH phường H L, quận H, thành phố HN.

* Bị đơn: Anh **Trịnh Văn T** – sinh năm 1980

HKTT: Thôn V, xã T L, huyện T T, thành phố HN.

Chỗ ở: Phòng 508 CT Tây N L Đ, phường H, quận H, thành phố HN.

Căn cứ vào Điều 212, 213, khoản 4 Điều 147 của Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015;

Căn cứ vào điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án và tiểu mục 1.1 mục 1 phần II danh mục án phí;

Căn cứ vào các Điều 55, 81, 82, 83 của Luật hôn nhân và gia đình;

Căn cứ vào biên bản ghi nhận sự tự nguyện ly hôn và hòa giải thành ngày 20 tháng 02 năm 2019;

XÉT THẤY

Việc thuận tình ly hôn và thỏa thuận của các đương sự được ghi trong biên bản ghi nhận sự tự nguyện ly hôn và hoà giải thành ngày 20 tháng 02 năm 2019 là hoàn toàn tự nguyện và không vi phạm điều cấm của luật, không trái đạo đức xã hội.

Đã hết thời hạn 07 ngày, kể từ ngày lập biên bản ghi nhận sự tự nguyện ly hôn và hoà giải thành, không có đương sự nào thay đổi ý kiến về sự thỏa thuận đó.

QUYẾT ĐỊNH:

1. Công nhận thuận tình ly hôn giữa:

Chị **Trần Thị D** và anh **Trịnh Văn T**

2. Công nhận sự thỏa thuận của các đương sự cụ thể như sau:

- Về con chung: Chị D, anh T có hai con chung là Trịnh Tuệ L – sinh ngày 28/01/2011 và Trịnh Cát L – sinh ngày 20/3/2017, khi ly hôn anh chị thỏa thuận giao con chung Trịnh Tuệ L cho chị D và giao con chung Trịnh Cát L cho anh T, trực tiếp chăm sóc giáo dục, nuôi dưỡng cho đến khi con đủ tuổi trưởng thành (đủ 18 tuổi) hoặc đến khi có sự thay đổi khác. Không bên nào phải cấp dưỡng nuôi con chung cho đến khi có sự thay đổi khác.

Chị D, anh T có quyền, nghĩa vụ thăm nom gặp gỡ con chung không ai được cản trở.

- Về tài sản chung (tài sản là động sản và bất động sản): Chị D, anh T cùng xác nhận vợ chồng không có tài sản chung.

- Về nợ chung: Chị D, anh T xác nhận không có các khoản nợ chung.

- Án phí: Chị D tự nguyện nộp toàn bộ 150.000 đồng (Một trăm năm mươi ngàn đồng) tiền án phí ly hôn sơ thẩm, nhưng được khấu trừ vào số tiền tạm ứng án phí 300.000 đồng (ba trăm ngàn đồng) chị D đã nộp theo biên lai số 4812 ngày 19/02/2019 của Chi cục Thi hành án dân sự quận H, thành phố HN. Hoàn trả lại chị D 150.000 đồng (Một trăm năm mươi ngàn đồng) tiền tạm ứng án phí.

3. Quyết định này có hiệu lực pháp luật ngay sau khi được ban hành và không bị kháng cáo, kháng nghị theo thủ tục phúc thẩm.

Nơi nhận:

- Đương sự;
- Viện kiểm sát nhân dân cùng cấp;
- UBND xã H N, huyện N H
- Tỉnh ND.
- Lưu hồ sơ vụ án.

-

THẨM PHÁN

Vũ Thị Ng